

KẾ HOẠCH
Phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Triển khai Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số; trên cơ sở tham mưu của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3741/TTr-SKH-CN ngày 23/12/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển các dịch vụ số bao trùm, rộng khắp dựa trên nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, đối tượng phục vụ, đồng sáng tạo các dịch vụ số. Lấy người dùng làm trung tâm với hệ sinh thái dịch vụ hợp nhất, không ai bị bỏ lại phía sau.

2. Chuyển đổi số toàn diện trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, bảo đảm mọi hoạt động tham mưu, xử lý công việc, quản lý, quản trị nội bộ, lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực; quản trị dựa trên kết quả. Kế thừa kết quả đã có, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, liên thông, chia sẻ dữ liệu, không trùng lặp trong toàn hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương, phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp.

3. Phân cấp, phân quyền mạnh mẽ trên nền tảng số. Phát triển hạ tầng số, công nghệ số đồng bộ, hiện đại, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí. Triển khai Trung tâm dữ liệu tỉnh bảo đảm về quy mô và đáp ứng về tiêu chuẩn. Xây dựng, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung của tỉnh và cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo hướng phát triển tập trung, thống nhất; bảo đảm tránh trùng lặp và bảo đảm kết nối, liên thông đồng bộ. Triển khai hiệu quả các nền tảng số được Trung ương đầu tư, xây dựng và triển khai đồng bộ, xuyên suốt đến tận cấp cơ sở (bao gồm cấp tỉnh và cấp xã).

4. Triển khai phát triển nguồn dữ liệu mở tỉnh Quảng Ngãi, góp phần thúc đẩy phát triển dữ liệu mở quốc gia, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và đổi mới sáng tạo. Ưu tiên triển khai, phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, giám sát, dự báo và hoạch định chính sách. Việc xây dựng các cơ sở dữ liệu phải bảo đảm nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

5. Kết hợp nội lực và tận dụng ngoại lực, khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số trong tỉnh, trong nước tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới

theo hình thức hợp tác công tư (PPP) là mô hình, cách làm đột phá trong phát triển nền tảng số phục vụ chính quyền số trong giai đoạn mới; chủ động hợp tác, học hỏi kinh nghiệm, tiêu chuẩn trong phát triển Chính quyền số.

6. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và đạo đức trong ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) là nguyên tắc tiên quyết, xuyên suốt trong quá trình phát triển Chính quyền số. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu, công nghệ số phải minh bạch, đi đôi với trách nhiệm giải trình, bảo vệ quyền riêng tư, tôn trọng các giá trị đạo đức, bảo đảm công bằng và tạo dựng niềm tin số trong toàn xã hội.

7. Vận hành thông minh và tự động hóa trên cơ sở ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI First). Triển khai AI trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình nhằm bảo đảm hiệu quả, chủ động, minh bạch và cá thể hóa trải nghiệm người dùng. Đồng thời, tăng cường ứng dụng AI để thông minh hóa quy trình nghiệp vụ, minh bạch hóa hoạt động và tối ưu hóa nguồn lực trong quá trình ra quyết định, điều hành của các cơ quan nhà nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số.

- Đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành xây dựng Chính quyền số, hình thành Chính quyền thông minh vận hành trên nền tảng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, hướng tới mô hình quản trị chủ động, dự báo, lấy người dùng làm trung tâm. Các hoạt động cơ bản của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện trên các nền tảng số tập trung, thống nhất và liên thông giữa các cấp, các ngành, tạo lập hệ sinh thái số đồng bộ, hiện đại; đồng thời bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và góp phần giữ vững chủ quyền số quốc gia. AI trở thành công cụ cốt lõi trong quản trị công, cung cấp dịch vụ công và hỗ trợ ra quyết định chính sách, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026 - 2027

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các bộ, ngành trung ương triển khai đến cấp tỉnh, cấp xã được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

- 100% hồ sơ công việc tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.

- 100% chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.

- 100% nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.

- Tỉnh Quảng Ngãi bảo đảm đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của trên địa bàn tỉnh được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

b) Giai đoạn 2028 - 2030

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

- 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 80% thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công được khai thác, sử dụng lại.

- Tỉnh Quảng Ngãi bảo đảm đạt cấp độ 4 và phấn đấu đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- 25% đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện thể chế

- Kịp thời triển khai, truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về phát triển Chính phủ số, Chính quyền số đến các cơ quan nhà nước, tổ chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và ban hành các chính sách, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành của UBND tỉnh để thúc đẩy phát triển Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, cập nhật Kiến trúc số tổng thể tỉnh Quảng Ngãi, phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và yêu cầu phát triển Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi.

- Xây dựng, cập nhật danh mục các nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai áp dụng hướng dẫn kỹ thuật về mức độ ứng dụng AI trong dịch vụ công trực tuyến, làm rõ khái niệm, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá mức độ cá thể hóa, chủ động, gợi ý hành động,...; Hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của các bộ, ngành, địa phương; Tiêu chuẩn quốc gia về Chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến; Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn đánh giá mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

2. Phát triển dữ liệu số

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác, tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.

- Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Xây dựng, ban hành kế hoạch công bố dữ liệu mở cấp tỉnh, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở. Việc cung cấp dữ liệu mở được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành.

3. Phát triển các ứng dụng, nền tảng số cho Chính quyền số

- Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương triển khai đến đơn vị, địa

phương trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kết nối toàn bộ các nền tảng số do Trung ương triển khai, các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

- Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.

- Xây dựng, phát triển, hoàn thiện Hệ thống điều hành thông minh (IOC) tỉnh Quảng Ngãi.

- Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi.

- Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Quảng Ngãi để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới.

- Xây dựng, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành tỉnh Quảng Ngãi.

- Phát triển, hoàn thiện Nền tảng Cổng dữ liệu mở tỉnh Quảng Ngãi.

- Phát triển, hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Ngãi.

- Xây dựng Nền tảng AI cấp tỉnh theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI) và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng.

4. Phát triển hạ tầng phục vụ Chính quyền số

- Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số phục vụ Chính quyền số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn tối thiểu Tier 3, đáp ứng tiêu chuẩn điện toán đám mây, hiệu năng cao để cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu tập trung và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cao nhất cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Triển khai bảo mật Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước theo hướng mở rộng, thống nhất và dùng chung cho toàn hệ thống chính trị, phục vụ gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, Tối Mật. Các nền tảng và ứng dụng dùng chung của tỉnh được kết nối trên mạng này, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu.

- Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền số tại các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Nâng cấp, quản lý, vận hành Nền tảng hợp trực tuyến tỉnh Quảng Ngãi thông suốt, an toàn, bảo mật; bảo đảm phục vụ các phiên họp từ Trung ương đến địa phương, đáp ứng yêu cầu sử dụng thống nhất trong toàn hệ thống chính trị.

5. Bảo đảm an ninh mạng

- Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn kỹ thuật về lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin.

- Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt đối với hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá mức độ rủi ro hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh. Triển khai cơ chế kiểm tra, giám sát an ninh mạng đối với chuỗi cung ứng phần mềm, dịch vụ thuê ngoài (SaaS, Cloud...), đối tác phát triển hệ thống theo nguyên tắc đánh giá mã nguồn (source code audit), kiểm soát truy cập và bảo mật bên thứ ba.

- Tăng cường giám sát an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh để phát hiện và cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn thông tin cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Nâng cấp, duy trì Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng tập trung (SOC) tỉnh Quảng Ngãi bảo đảm kết nối Trung tâm An ninh mạng quốc gia của Bộ Công an để phục vụ công tác giám sát diện rộng đối với các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh.

6. Phát triển nhân lực số

- Triển khai cung cấp học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học vụ số.

- Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Triển khai khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số, AI vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương.

- Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, Chính quyền số; Khung Kiến trúc Chính phủ số, Kiến trúc tổng thể số cấp tỉnh và bảo đảm an ninh mạng.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hằng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong

giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp.

- Triển khai khung chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

7. Hợp tác quốc tế và trong nước

- Xây dựng và triển khai chương trình hợp tác quốc tế; Hợp tác với các địa phương trong nước; hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu mở, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các chương trình học hỏi kinh nghiệm, mô hình chuyển đổi số hiệu quả của các tỉnh, thành phố để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

8. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai

- Triển khai Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thực hiện đo lường, giám sát các hệ thống, dịch vụ phục vụ Chính quyền số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính quyền số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

2. Hằng năm bảo đảm bố trí ngân sách tỉnh cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp với chỉ tiêu quy định theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng nhiệm vụ

- Xây dựng và ban hành kế hoạch hoặc lồng ghép vào Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 của đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh.

- Triển khai các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung do các bộ, ngành Trung ương triển khai đến cấp tỉnh, cấp xã, bảo đảm hiệu quả và phù hợp với tình hình của tỉnh.

- Thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ thủ tục hành chính để đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hướng tới toàn trình.

- Triển khai rà soát, số hóa quy trình nội bộ; hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các ngành, lĩnh vực liên quan tới người dân; rà soát, đơn giản hóa các chế độ báo cáo, cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu. Triển khai các chính sách, quy định của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương và của tỉnh về khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính phủ số, Chính quyền số.

- Triển khai truyền thông và tổ chức thực hiện tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia và Khung kiến trúc tổng thể số tỉnh Quảng Ngãi, để bảo đảm mọi dự án về dữ liệu phải tuân thủ kiến trúc này để bảo đảm tính đồng bộ và khả năng liên thông.

- Chủ động hợp tác trong phát triển Chính quyền số; tích cực tham gia các sáng kiến về Chính quyền số, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ với các địa phương, tổ chức nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và ứng phó với các mối đe dọa an ninh mạng.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch này để xây dựng dự toán, đề xuất và bố trí kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác; tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đầu tư theo phương thức đối tác công tư để phát triển Chính quyền số; đẩy mạnh huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

- Định kỳ hằng năm (*trước ngày 30 tháng 11*) báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức tôn vinh dịch vụ công chất lượng nhất, dịch vụ công thu hút sự tham gia rộng rãi nhất, cơ quan nhà nước vận hành tối ưu nhất, vấn đề phát triển kinh tế - xã hội có kết quả đột phá nhất và cơ quan nhà nước phát triển Chính quyền số tốt nhất trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính: Trên cơ sở nhu cầu của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

4. Đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

5. Các doanh nghiệp Công nghệ số, doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh: Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch, chủ động

xây dựng các nội dung triển khai, phối hợp, đồng hành với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/cáo);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, NC, CBTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{TPC}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
I	Giai đoạn 2026-2027			
I.1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh			
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	95%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
I.2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số Trung ương đến địa phương được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn tỉnh.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành;
3	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã,

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
				phường, đặc khu
4	Tỷ lệ nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ban, ngành, địa phương được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỉnh Quảng Ngãi đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Đạt	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	100%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
7	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	50%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
II	Giai đoạn 2028-2030			
II.1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh			
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	99%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.	50%	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh
3	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.	100%	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ;	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công.	80%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
II.2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỉnh Quảng Ngãi phấn đấu đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Đạt	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
4	Tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.	25%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ngãi được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
6	Tỷ lệ các hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành;

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
	tính phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.			UBND các xã, phường, đặc khu

Phụ lục II
CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện thể chế				
1	Triển khai các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số của các bộ, ngành Trung ương triển khai.	Các sở, ban, ngành	UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản triển khai, giải pháp truyền thông về Tiêu chuẩn, Quy chuẩn, Hướng dẫn kỹ thuật được ban hành	Năm 2026-2030
2	Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc tổng thể số tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Quyết định ban hành Khung kiến trúc tổng thể số tỉnh Quảng Ngãi	Năm 2026
3	Xây dựng Chiến lược dữ liệu bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung kiến trúc tổng thể số tỉnh Quảng Ngãi, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Chiến lược dữ liệu được xây dựng phù hợp yêu cầu	Năm 2026
4	Xây dựng, cập nhật danh mục các nền tảng số, CSDL dùng chung tỉnh Quảng Ngãi.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2025-2030
5	Triển khai hướng dẫn kỹ thuật về mức độ ứng dụng AI trong dịch vụ công	Sở Khoa học	Các sở, ban, ngành; UBND	Văn bản triển khai Hướng dẫn kỹ thuật được Bộ	Sau khi Bộ Khoa học và

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	trực tuyến, làm rõ khái niệm, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá mức độ cá thể hóa, chủ động, gợi ý hành động,...	và Công nghệ	các xã, phường, đặc khu	Khoa học và Công nghệ ban hành	Công nghệ ban hành hướng dẫn
6	Triển khai hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của các bộ, ngành, địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản triển khai Hướng dẫn kỹ thuật được Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn
7	Triển khai áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia về Chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản triển khai áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia đã được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2026
8	Triển khai Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn đánh giá mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Kế hoạch hoặc Văn bản triển khai Khung hướng dẫn đã được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2026
9	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm theo từng lĩnh vực quản lý, bổ sung yêu cầu kỹ năng số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và công cụ làm việc của vị trí, trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực số quốc gia và các quy định hiện hành.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Kế hoạch hoặc Văn bản triển khai Tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm	Năm 2026-2030
10	Triển khai Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả các dự án, nhiệm vụ triển khai phát	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND	Kế hoạch hoặc Văn bản triển khai Bộ tiêu chí đánh	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	triển Chính phủ số sử dụng ngân sách nhà nước để làm cơ sở triển khai giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án, nhiệm vụ.		các xã, phường, đặc khu	giá được cấp có thẩm quyền ban hành	
II	Phát triển dữ liệu số				
1	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	Năm 2026-2030
2	Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
3	Xây dựng, ban hành công bố danh mục dữ liệu mở tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Quyết định ban hành danh mục dữ liệu mở	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	mở. Việc cung cấp dữ liệu mở được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành.				
4	Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách cụ thể để chủ động thực hiện việc chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên Sàn dữ liệu, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu.	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2026
III	Phát triển các ứng dụng, nền tảng số cho Chính quyền số				
1	Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương triển khai đến đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kết nối toàn bộ các nền tảng số do Trung ương triển khai, các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ và bảo đảm kế hoạch triển khai của các bộ, ngành Trung ương	Năm 2026-2030
2	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, Công	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	Quảng Ngãi.		an tỉnh	tiêu của từng thời kỳ	
3	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành có liên quan	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
4	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Quảng Ngãi để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành có liên quan	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
5	Xây dựng, phát triển, hoàn thiện Hệ thống điều hành thông minh (IOC) tỉnh Quảng Ngãi.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành có liên quan	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
6	Xây dựng, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành tỉnh Quảng Ngãi.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh; các sở, ban, ngành có liên quan	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng Cổng dữ liệu mở tỉnh Quảng Ngãi.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành có liên quan	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
7	Phát triển, hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Ngãi.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các xã,	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
			phường, đặc khu có liên quan		
8	Xây dựng Nền tảng AI cấp tỉnh theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI) và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng.	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
IV	Phát triển hạ tầng phục vụ Chính quyền số				
1	Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số phục vụ Chính quyền số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ số, Chính quyền số	Năm 2026-2030
2	Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn tối thiểu Tier 3, đáp ứng tiêu chuẩn điện toán đám mây, hiệu năng cao để cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu tập trung và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cao nhất cho các hệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	thống thông tin của tỉnh				
3	Triển khai bảo mật Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước theo hướng mở rộng, thống nhất và dùng chung cho toàn hệ thống chính trị, phục vụ gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, Tối Mật. Các nền tảng và ứng dụng dùng chung của tỉnh được kết nối trên mạng này, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
4	Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền số tại các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh;	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
5	Nâng cấp, quản lý, vận hành Nền tảng hợp trực tuyến tỉnh Quảng Ngãi thông suốt, an toàn, bảo mật; bảo đảm phục vụ các phiên họp từ trung ương đến địa phương, đáp ứng yêu cầu sử dụng thống nhất trong toàn hệ thống chính trị.	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
V	Bảo đảm an ninh mạng				
1	Triển khai tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn kỹ thuật về lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản triển khai, giải pháp truyền thông về quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn được ban hành	Năm 2026
2	Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt đối với hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh	Báo cáo triển khai	Năm 2026
3	Triển khai Khung đánh giá mức độ rủi ro hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh. Triển khai cơ chế kiểm tra, giám sát an ninh mạng đối với chuỗi cung ứng phần mềm, dịch vụ thuê ngoài (SaaS, Cloud...), đối tác phát triển hệ thống theo nguyên tắc đánh giá mã nguồn (source code audit), kiểm soát truy cập và bảo mật bên thứ ba.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản triển khai, chỉ đạo về áp dụng, thực hiện Khung đánh giá đã được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
4	Tăng cường giám sát an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh để phát hiện và cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn thông tin cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Nâng cấp, duy trì Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng tập trung (SOC) tỉnh Quảng Ngãi bảo đảm kết nối Trung tâm An ninh mạng quốc gia của Bộ Công an để phục vụ công tác giám sát diện rộng đối với các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
VI	Phát triển nhân lực số				
1	Triển khai, cung cấp học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học vụ số	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
3	Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và	Các sở, ban, ngành	Các sở, ban, ngành; UBND	Báo cáo thực hiện	Năm

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số		các xã, phường, đặc khu		2026-2030
4	Triển khai khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số, AI vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Tháng 12/2026
5	Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, Chính quyền số; Khung Kiến trúc Chính phủ số, Kiến trúc tổng thể số cấp tỉnh và bảo đảm an ninh mạng.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
6	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hàng năm về kỹ năng số,	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp.				
7	Triển khai khung chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai Khung chương trình đào tạo được ban hành	Năm 2026-2027
VII	Hợp tác quốc tế và trong nước				
1	Xây dựng và triển khai chương trình hợp tác quốc tế; Hợp tác với các địa phương trong nước; hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu mở, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các chương trình học hỏi kinh nghiệm, mô hình chuyển đổi số hiệu quả của các tỉnh, thành phố để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
VIII	Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai				
1	Triển khai Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai Bộ chỉ số; Báo cáo kết quả giám sát, đánh giá hằng năm trên địa bàn tỉnh	Năm 2026-2030
2	Thực hiện đo lường, giám sát các hệ thống, dịch vụ phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ số, Chính quyền số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030